

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 604/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Tạ Bích N, sinh năm 1976.
2. Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ thường trú: 132/11, khu phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, chị Tạ Bích N và anh Nguyễn Xuân D nộp đơn “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Quá trình vận động hòa giải, chị N và anh D thống nhất không hòa giải đoàn tụ. Tòa án nhân dân thành phố B đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn vào ngày 09/4/2019. Chị N cư trú tại phường T, anh D cư trú tại phường T, thành phố B và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu của chị N và anh D được Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Chị Tạ Bích N và anh Nguyễn Xuân D chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 20 ngày 26/02/2002. Chị N và anh D có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia Ng, sinh ngày 11/9/2002 và cháu Nguyễn Tr, sinh ngày 20/5/2007. Chị N, anh D xác định tự thỏa thuận chia tài sản chung và nợ chung không có.

Trong quá trình chung sống, anh chị thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Chị N và anh D xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con chung và tự thỏa thuận chia tài sản chung.

Xét thấy chị N và anh D thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của chị N và anh D đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố B chấp nhận đơn yêu cầu của chị N và anh D.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Tạ Bích N và anh Nguyễn Xuân D.

- Về con chung: Chị Tạ Bích N và anh Nguyễn Xuân D xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia Ng, sinh ngày 11/9/2002 và cháu Nguyễn Tr, sinh ngày 20/5/2007. Chị N và anh D thống nhất giao cháu Nguyễn Gia Ng cho chị Tạ Bích N nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Tr cho anh Nguyễn Xuân D nuôi dưỡng. Tạm thời không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị N, anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị N và anh D tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Chị N và anh D khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Tạ Bích N và anh Nguyễn Xuân D mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ

thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004253 ngày 12/3/2019 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố B, Chị N và anh D đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường T
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phú